

VN-Index **1829.23 (0.12%)**
 536 Tr. cổ phiếu 13663.7 Tỷ VND (-6.52%)

HNX-Index **278.37 (-0.40%)**
 40 Tr. cổ phiếu 657.6 Tỷ VND (-4.13%)

UPCOM-Index **126.87 (-0.38%)**
 17 Tr. cổ phiếu 293.4 Tỷ VND (-43.84%)

VN30F1M **1975.50 (0.48%)**
 225,642 HD OI: 32,513 HD

% Hiệu suất từ đầu năm 2026 của các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1829.2, tăng +2.1 điểm (+0.12%). Thanh khoản giảm với độ rộng thị trường nghiêng về bên bán. Sắc xanh ghi nhận ở VN30 trong khi HNXIndex.
- **Điểm nhấn trong phiên:** Tâm lý thận trọng vẫn đè nặng thị trường trong bối cảnh địa chính leo thang, khiến giá dầu bật tăng mạnh. Thanh khoản ở mức thấp cũng hàm ý cho điều này.
- Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến tích cực trong phiên: Bất động sản: VRE (+0.6%), VHM (+1.4%), VPI (+4.6%) | Ngân hàng: STB (+1.7%), SSB (+1.7%) | Bán lẻ: PET (+1.6%), MWG (+1.8%), DGW (+6.9%) | Công nghệ: FPT (+2.9%). Diễn biến yếu trong phiên: Dầu khí: BSR (-0.9%), PLX (-0.8%), PVD (-0.8%) | Hóa chất: PHR (-1.6%), DPM (-0.9%) | Điện, nước & xăng dầu khí đốt: GEG (-1.6%), GAS (-1.3%), POW (-0.4%) | Tài nguyên Cơ bản: HSG (-0.9%), NKG (-0.9%), HPG (-0.9%).
- Tác động chỉ số: Chiều tăng | VHM, FPT, VCB, STB, MWG - Chiều giảm | VPL, GAS, HPG, HVN, BSR.
- Khối ngoại: Mua ròng gần 350 tỷ đồng, tập trung nhiều ở VIC, FPT, SBT, trong khi bán ròng VHM, CTG, HDB.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** kết phiên với mẫu hình nến Hammer nhưng thanh khoản ở mức thấp, chưa xác nhận cho động lực mua lên. Vận động nhìn chung nghiêng về giảm co, và tâm lý thận trọng vẫn chi phối trước bối cảnh địa chính trị đang nóng trở lại. Về mặt kỹ thuật, VN-Index cần vượt trên ngưỡng 1845 điểm để xác nhận động lực phục hồi. Nếu các phiên tới chỉ số không sớm lấy lại ngưỡng này, xác suất đi vào nhịp điều chỉnh sẽ gia tăng, với khả năng kiểm định lại vùng hỗ trợ gần quanh 1780 – 1800 điểm. Ở chiều tích cực, nếu vượt thành công, mục tiêu cao hơn là hướng tới ngưỡng 1880 - 1900 điểm.
- **Đối với HNX-Index**, chỉ số vẫn giữ vận động trong vùng tích lũy 280 – 285 điểm. Tuy nhiên, chỉ báo RSI đã hạ nhiệt về dưới ngưỡng trung bình cho thấy lực cầu suy yếu. Hỗ trợ gần hiện quanh 270 – 274, trong khi kháng cự là ngưỡng 295 điểm.
- **Chiến lược:** Sự phân hóa đang gia tăng, nhà đầu tư nên quản trị danh mục theo tín hiệu riêng của từng cổ phiếu thay vì hành động theo chỉ số. Nếu độ rộng tiếp tục thu hẹp và xuất hiện mã phá vỡ các ngưỡng hỗ trợ quan trọng, cần cân nhắc hạ bớt tỷ trọng để kiểm soát rủi ro. Ngược lại, với các cổ phiếu vẫn giữ được hỗ trợ, có thể tiếp tục nắm giữ. Ở chiều mua mới, nên thận trọng và tránh mua đuổi tại các nhịp tăng mạnh; chỉ cân nhắc thăm dò khi tín hiệu cân bằng thật sự rõ ràng.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Chốt lời DGW (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa				% Thay đổi				Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với				Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với			
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng			01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng					
Theo chỉ số																		
VN-Index	1,829.2	🡗	0.1%	0.1%	3.0%	13,663.7	🡕	-6.5%	-21.9%	-23.3%	535.7	🡕	-11.6%	-15.6%	-27.1%			
HNX-Index	278.4	🡕	-0.4%	-1.4%	-3.2%	657.6	🡕	-4.1%	-13.6%	-23.9%	40.2	🡕	-7.1%	-11.6%	-27.5%			
UPCOM-Index	126.9	🡕	-0.4%	-0.7%	-0.4%	293.4	🡕	-43.8%	-19.4%	-22.0%	17.0	🡕	-56.2%	-12.9%	-18.6%			
VN30	1,976.8	🡗	0.5%	0.8%	2.7%	8,621.1	🡕	-8.9%	-20.4%	-14.5%	229.6	🡕	-16.2%	-17.5%	-31.7%			
VNMID	1,918.0	🡗	0.2%	-2.0%	-1.6%	4,093.4	🡗	0.1%	-29.4%	-34.1%	195.3	🡕	-8.8%	-34.4%	-35.8%			
VNSML	1,239.3	🡕	-0.1%	-1.2%	-2.1%	682.7	🡕	-11.4%	9.5%	-29.8%	52.6	🡕	-23.6%	10.0%	-33.4%			
Theo ngành (VNIndex)																		
Ngân hàng	632.3	🡗	0.2%	-0.08%	-0.6%	3,730.3	🡕	-21.8%	-18.2%	-14.2%	160.9	🡕	-23.0%	-20.4%	-17.7%			
Bất động sản	1,055.9	🡗	0.3%	0.6%	12.6%	3,075.2	🡕	-12.5%	-15.9%	1.4%	70.5	🡕	-32.3%	-27.8%	-20.9%			
Dịch vụ tài chính	281.7	🡕	0.0%	-1.3%	-2.5%	1,322.1	🡕	-5.3%	-21.8%	-35.8%	73.1	🡕	-8.9%	-22.8%	-34.4%			
Công nghiệp	228.4	🡗	1.0%	-0.7%	-2.8%	645.5	🡗	15.6%	-12.2%	-27.5%	27.3	🡗	20.4%	-9.6%	-18.2%			
Tài nguyên cơ bản	482.1	🡕	-0.9%	0.9%	-1.1%	396.9	🡕	-42.7%	-21.9%	-23.6%	21.2	🡕	-40.8%	-23.5%	-24.8%			
Xây dựng - Vật Liệu	155.3	🡗	0.3%	-1.2%	-3.0%	315.9	🡕	-20.6%	-10.2%	-22.2%	19.2	🡕	-24.2%	-10.5%	-21.1%			
Thực phẩm	497.4	🡗	0.2%	-0.2%	1.1%	1,041.3	🡗	98.2%	13.6%	6.6%	33.8	🡗	142.3%	29.4%	37.6%			
Bán Lẻ	1,389.2	🡗	0.9%	-1.6%	-3.8%	643.8	🡗	147.7%	15.5%	22.8%	10.1	🡗	110.2%	14.3%	31.3%			
Công nghệ	400.9	🡗	2.8%	2.9%	3.2%	967.4	🡗	115.7%	50.6%	87.3%	13.7	🡗	109.9%	35.2%	46.7%			
Hóa chất	168.0	🡕	-0.3%	0.2%	1.1%	281.5	🡕	-25.8%	-25.0%	-11.1%	10.3	🡕	-36.6%	-25.0%	-10.7%			
Tiện ích	761.8	🡕	-0.6%	0.4%	1.6%	349.8	🡗	11.2%	30.2%	7.4%	19.9	🡗	94.9%	62.9%	42.4%			
Dầu khí	108.1	🡕	-0.9%	-0.3%	0.2%	446.2	🡕	-35.3%	-4.58%	-11.6%	16.6	🡕	-32.0%	-4.2%	-15.0%			
Dược phẩm	387.9	🡕	0.0%	-1.2%	-1.7%	72.4	🡗	557.5%	104.2%	62.7%	2.2	🡗	279.2%	-5.1%	10.0%			
Bảo hiểm	100.0	🡕	-0.8%	-1.5%	-5.1%	13.4	🡕	-22.5%	-39.4%	-53.1%	0.3	🡕	-42.0%	-41.9%	-56.5%			

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,829.2	0.12%	2.5%	14.0x	2.0x
SET-Index	Thái Lan	1,615	-0.17%	28.2%	15.3x	1.5x
JCI-Index	Indonesia	6,589	-1.33%	-23.8%	14.9x	1.8x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,639	-0.33%	2.7%	15.2x	1.5x
PSEi Index	Phillipines	6,099	-0.28%	0.8%	9.2x	1.3x
Shanghai Composite	Trung Quốc	3,934	-0.43%	-0.9%	17.0x	1.6x
Hang Seng	Hồng Kông	24,954	-1.27%	-2.6%	12.4x	1.3x
Nikkei 225	Nhật Bản	65,271	0.20%	29.7%	21.2x	2.8x
S&P 500	Mỹ	7,636	-0.48%	11.6%	26.2x	5.6x
Dow Jones	Mỹ	52,381	-0.77%	9.0%	22.9x	5.8x
FTSE 100	Anh	10,629	-0.38%	7.0%	14.8x	2.3x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	6,307	-0.08%	8.9%	17.1x	2.5x
DXV		98.8	0.06%	0.5%		
USDVND		25,917	-0.004%	-1.4%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

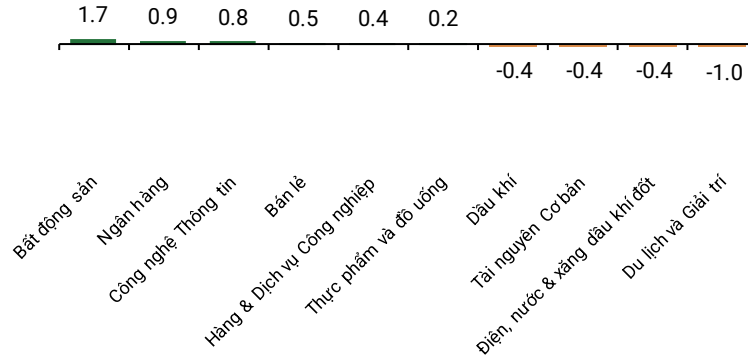
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent		0.81%	16.3%	67.7%	51.2%
Dầu WTI		1.44%	18.6%	69.7%	53.0%
Khí gas		-1.0%	0.0%	-24.2%	-7.8%
Than cốc (*)		4.9%	26.6%	48.6%	48.6%
Thép HRC (*)		-0.3%	3.3%	2.5%	-2.0%
PVC (*)		-0.3%	9.6%	9.3%	4.5%
Phân Urea		0.0%	9.3%	17.9%	7.2%
Cao su thiên nhiên		-1.6%	11.8%	36.7%	41.1%
Bông Cotton		1.9%	3.1%	32.7%	30.1%
Đường		1.7%	13.6%	24.7%	17.5%
World Container Index		0.3%	4.2%	102.3%	112.8%
Baltic Dirty tanker Index		3.0%	14.4%	129.4%	182.5%
Vàng		-0.32%	-0.1%	1.5%	20.4%
Bạc		-1.75%	0.6%	-7.7%	60.6%

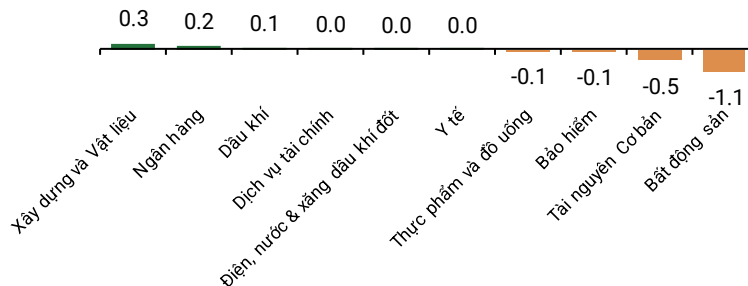
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

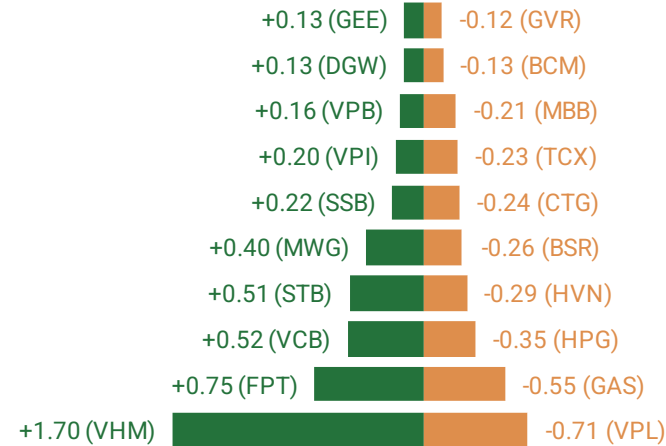
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



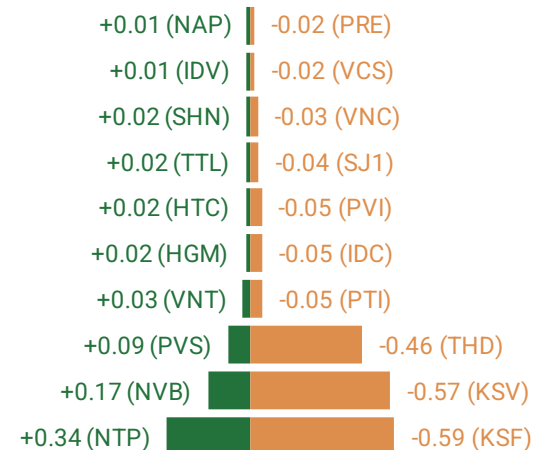
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

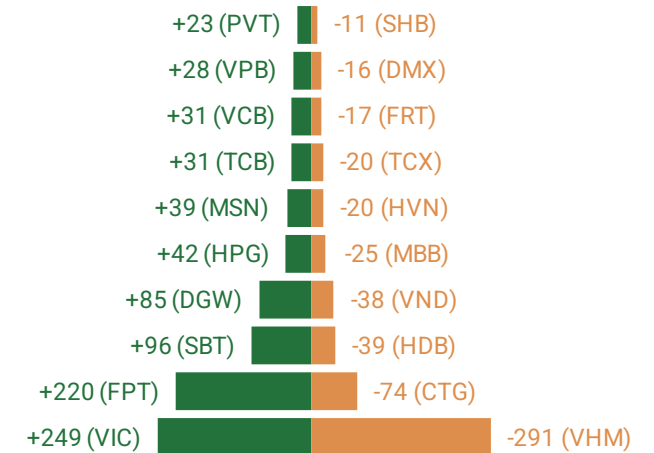


TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX

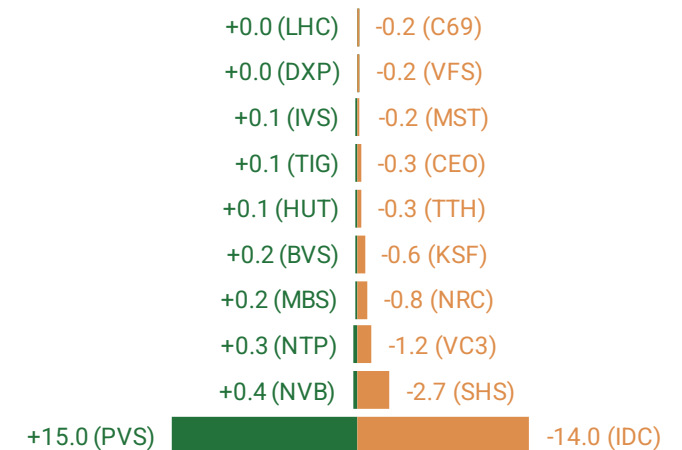


BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

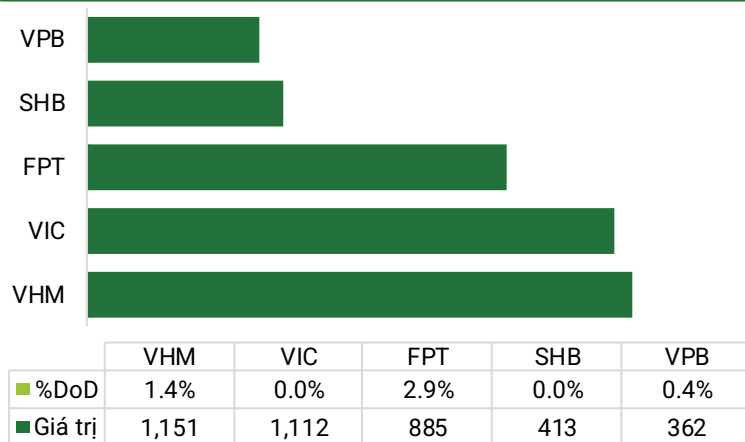
TOP CỔ PHIẾU NGTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



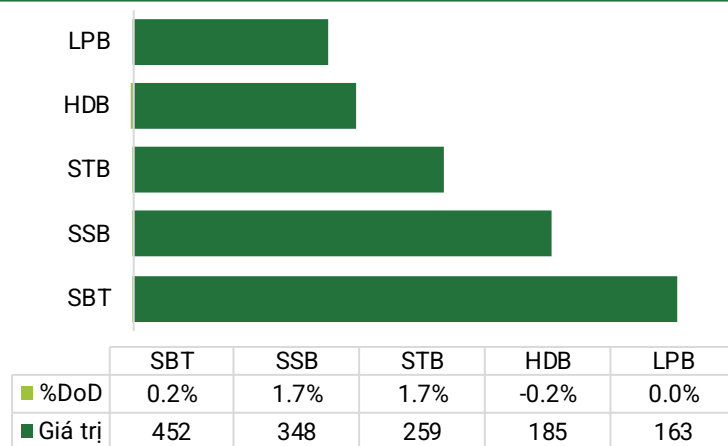
TOP CỔ PHIẾU NGTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX

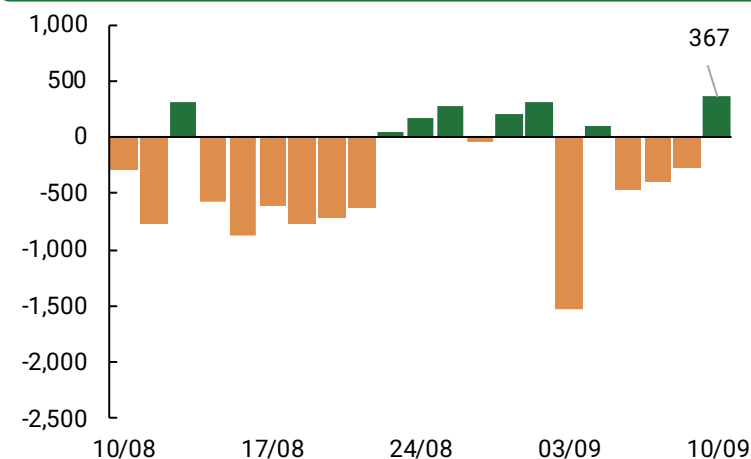


TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX

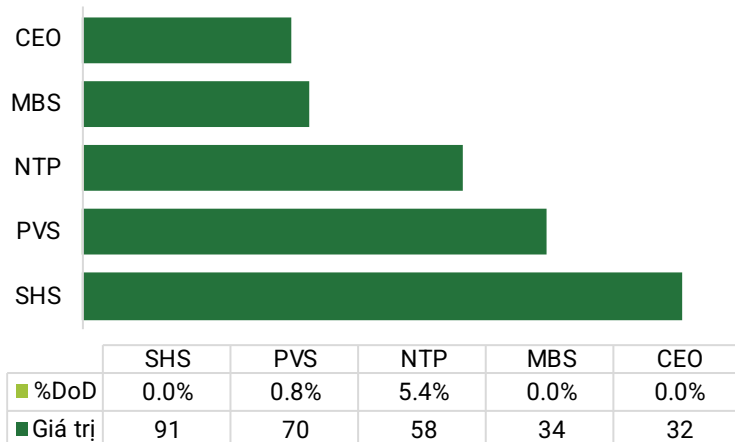


BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

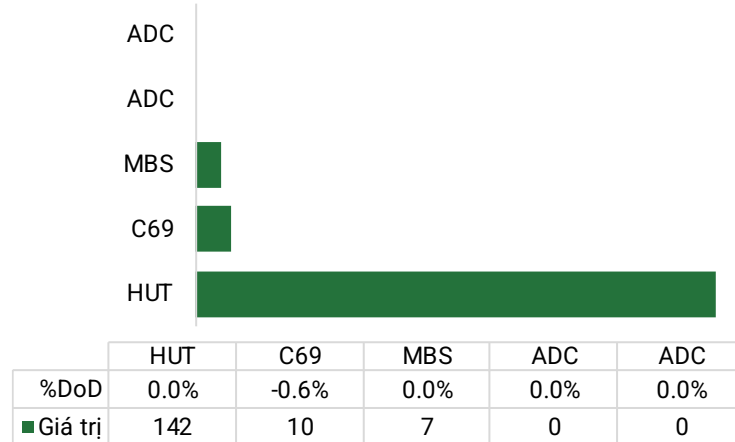
GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



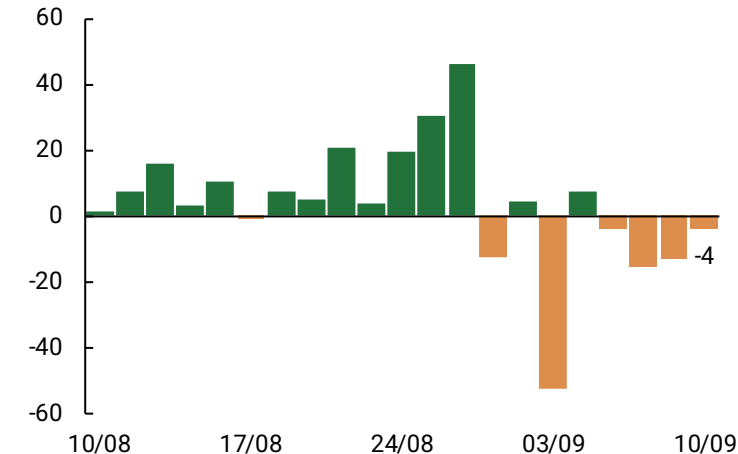
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX

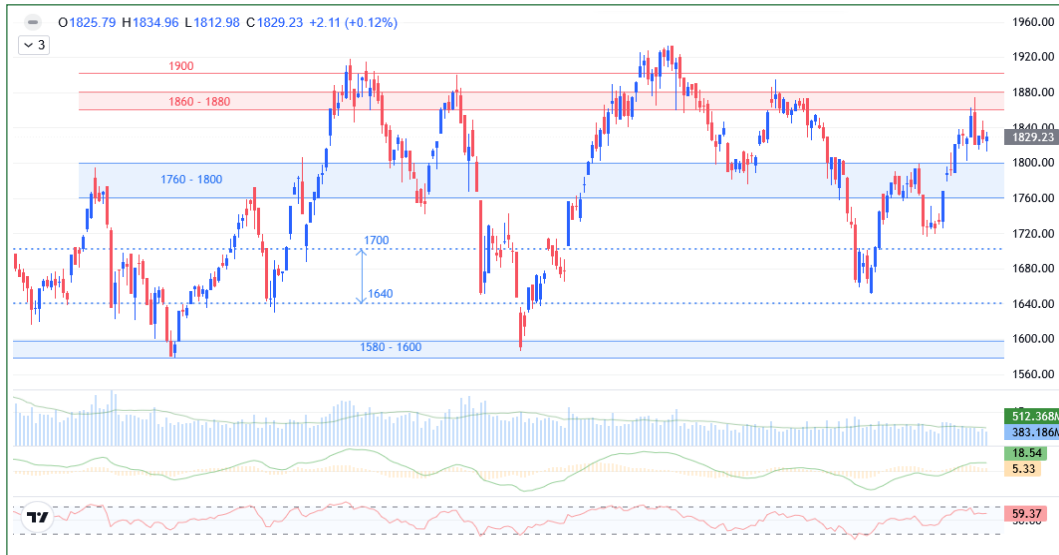


TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến Hammer, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1700 | 1780.
- ✓ Kháng cự: 1860 - 1880.
- ✓ MACD, RSI suy yếu.
- ✓ Xu hướng: Củng cố lại đà đi lên.

Kịch bản: Vận động tiếp tục giằng co. Với mẫu hình nến nhấn chìm trước đó, cung bán vẫn cho thấy sự chủ động trên vùng cao. Nếu các phiên tới chỉ số không phục hồi được trên ngưỡng 1845 điểm, xác suất đi vào nhịp điều chỉnh sẽ gia tăng, với khả năng kiểm định lại vùng 1780 – 1800 điểm. Ở chiều tích cực, nếu bứt phá thành công, chỉ số có thể quay lại kiểm định khu vực cản 1880 điểm.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến xanh thân lớn, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1840 | 1920
- ✓ Kháng cự: 2000.
- ✓ MACD, RSI suy yếu.
- ✓ Xu hướng: Củng cố lại đà đi lên.

✓ **Kịch bản:** Dù lấy lại sắc xanh nhưng thanh khoản vẫn ở mức thấp, cho thấy dòng tiền mua lên còn thận trọng. Nếu vận động không sớm lấy lại ngưỡng 1980 điểm, áp lực điều chỉnh có thể tiếp tục gia tăng và đẩy chỉ số lùi về kiểm định vùng 1900 – 1920 điểm. Ở chiều tích cực, nếu vượt thành công ngưỡng 1980, mục tiêu cao hơn có thể hướng tới ngưỡng 2020 điểm.

STOCK		STRATEGY	Technical		Financial Ratio	
Ticker	DGW	TAKE PROFIT	Current price	44.8	P/E (x)	15.4
Exchange	HOSE		Action price	41.0	P/B (x)	2.7
Sector	Specialty Retailers		Take profit price (11/9)	45 - 46	11.0%	EPS 2914.4 ROE 19.2% Stock Rating BBB Scale Market Cap Medium



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá chạm mục tiêu 45.
- Chỉ báo RSI tiếp cận mức quá mua 70 có thể khiến động lượng tăng chững lại.
- Khu vực 45 – 46 cũng là vùng cản trung hạn mạnh.

- ➔ Xu hướng có thể hạ nhiệt củng cố lại đà.
- ➔ Khuyến nghị Chốt lời, có thể tận dụng nhịp tăng rớt.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá hành động	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	DGW	Chốt lời	11/09/2026	44.75	45 - 46	11.0%	45	9.8%	38.5	-6.1%	

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	SAB	Mua	12/08/2026	-	44.9	45.4 - 45.8	-1.6%	50	9.6%	43.5	-4.6%	
2	VGC	Mua	24/08/2026	-	41.5	40 - 41	2.5%	45	11.1%	38.5	-4.9%	
3	PHR	Mua	09/09/2026	-	60.4	61.4 - 62	-2.1%	68	10.2%	58.5	-5.2%	



Tín hiệu kỹ thuật

- Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 1975.5, tăng 9.5 điểm (+0.5%). Giá phục hồi trong phần lớn thời gian, nhưng có dấu hiệu chững lại về cuối phiên chiều.
- Ở đồ thị 1 giờ**, chỉ báo MACD cắt lên đường signal, cùng RSI cải thiện lên trên ngưỡng trung bình, cho thấy động lượng tăng phục hồi. Dù vậy, với mẫu hình nến Shooting Star, hàm ý cung bán vẫn chi phối trên vùng cao, giá khả năng trở lại rung lắc quanh khu vực 1970 – 1980. Vị thế Long cân nhắc khi giá bứt phá và củng cố trên ngưỡng 1982. Vị thế Short cân nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 1965.
- Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1879.1, tăng 5.7 điểm (+0.3%). Độ lệch basis 2.8 điểm (cao hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh tăng, đạt 30 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1870 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1890 điểm.

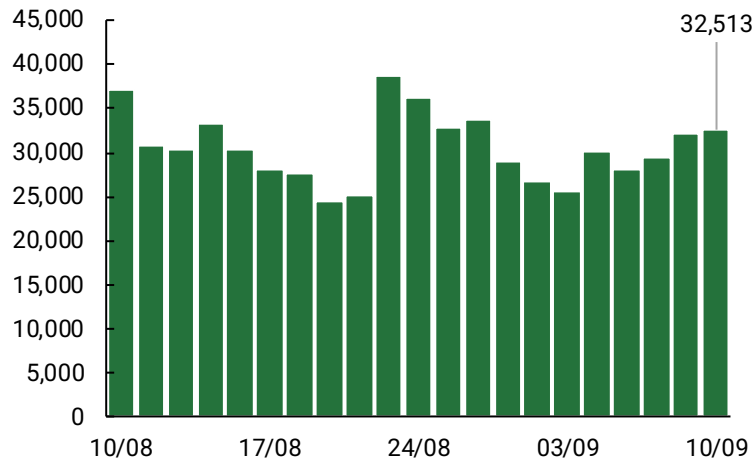
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/Rủi ro
Short	< 1965	1951	1972	14 : 7
Long	> 1982	1996	1975	14 : 7

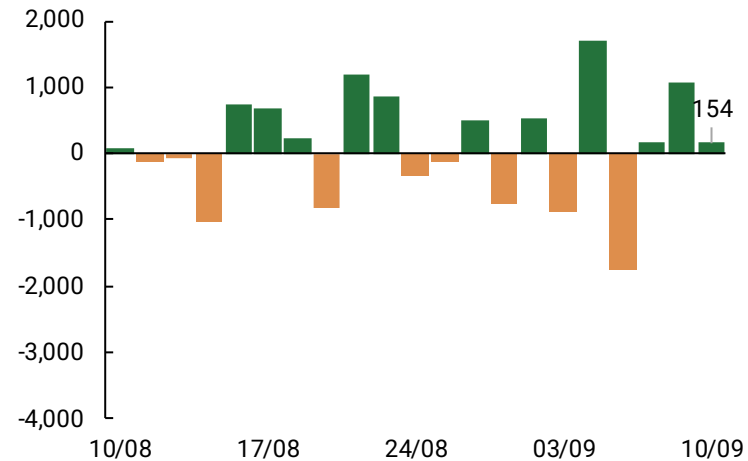
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
411H3000	1,973.0	10.1	10	234	1,995.0	-22.0	18/03/2027	189
411GC000	1,978.9	12.2	81	634	1,986.2	-7.3	17/12/2026	98
411GA000	1,977.8	14.6	1,051	1,971	1,980.2	-2.4	15/10/2026	35
411G9000	1,975.5	9.5	225,642	32,513	1,977.5	-2.0	17/09/2026	7
4112G9000	1,879.1	5.7	30	33	1,877.0	2.1	17/09/2026	7

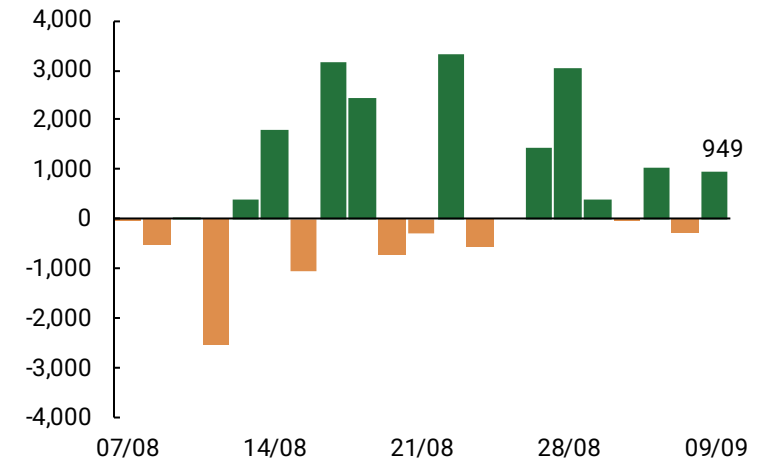
Khối lượng mở (Open interest)



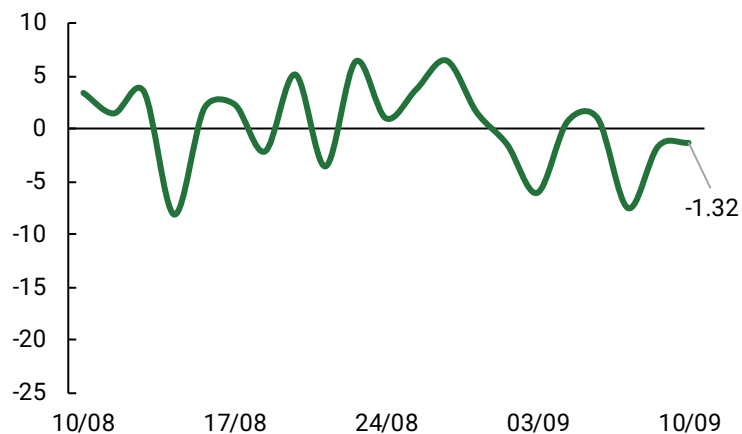
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại
(Hợp đồng)



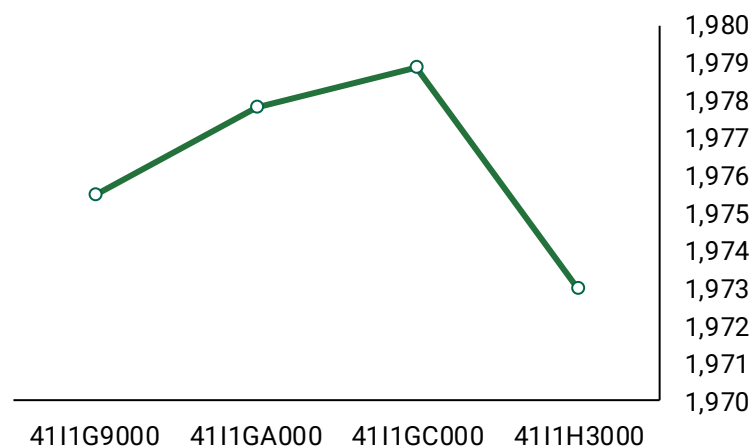
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh
(Hợp đồng)



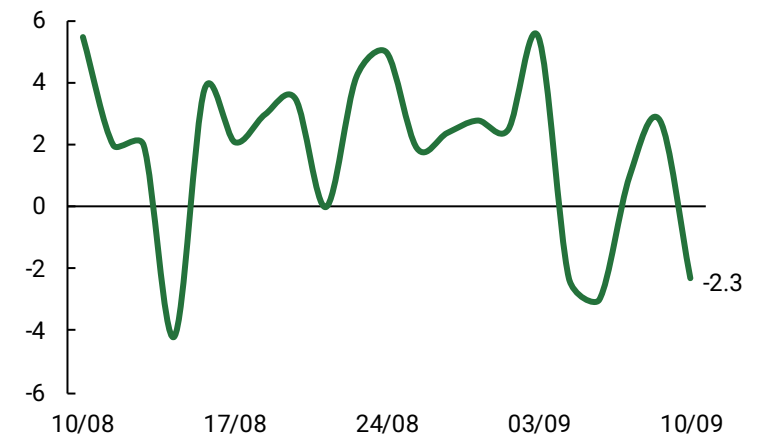
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M – VN30F2M



01/09	Mỹ, Việt Nam – Chỉ số PMI Việt Nam – Danh mục MSCI có hiệu lực
03/09	Việt Nam – Dữ liệu kinh tế vĩ mô tháng 8/2026
04/09	Mỹ – Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
09/09	Trung Quốc – Chỉ số CPI, PPI
10 – 11/09	Mỹ – Chỉ số PPI, CPI EU – ECB công bố lãi suất
12/09	Việt Nam – VNM ETF công bố danh mục
15/09	Trung Quốc – Sản xuất công nghiệp, Doanh số bán lẻ
17/09	Mỹ – Fed công bố lãi suất Việt Nam – Đáo hạn HĐTL
21/09	Trung Quốc – Lãi suất LPR Việt Nam – Chính thức nâng hạng FTSE Russell
24/09	Thượng đỉnh Mỹ - Trung Thụy Sĩ – SNB công bố lãi suất
30/09	Mỹ – GDP Q2 lần 3, Chỉ số PCE

THÔNG TIN VĨ MÔ

Việt Nam nộp hồ sơ đánh giá lại để gỡ khỏi danh sách không hợp tác về thuế của EU: Việt Nam đã chính thức nộp hồ sơ đề nghị đánh giá chuyên sâu về trao đổi thông tin theo yêu cầu, nhằm cải thiện xếp hạng tuân thủ thuế và tạo cơ sở đưa Việt Nam ra khỏi Phụ lục I danh sách các vùng tài phán không hợp tác về thuế của EU. Trước đó, Việt Nam bị xếp mức “Chưa tuân thủ” trong rà soát đồng cấp giai đoạn 2021–2023. Ngày 31/07/2026, Ban Thư ký Diễn đàn Toàn cầu xác nhận đã tiếp nhận hồ sơ và chuyển tới nhóm đánh giá xem xét.

Doanh nghiệp châu Âu đánh giá cao ASEAN, Việt Nam dẫn đầu Đông Nam Á về kế hoạch mở rộng: Theo Khảo sát Tâm lý Kinh doanh EU-ASEAN năm 2026, 78% doanh nghiệp châu Âu được khảo sát kỳ vọng thương mại và đầu tư tại ASEAN sẽ tăng trong 5 năm tới. ASEAN tiếp tục được 61% doanh nghiệp đánh giá là thị trường mới nổi có nhiều cơ hội kinh tế nhất. Trong khu vực, Việt Nam dẫn đầu về kế hoạch mở rộng hoạt động kinh doanh với tỷ lệ 64%, cao hơn Indonesia, Malaysia, Thái Lan, Singapore và Philippines.

Đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam đặt mục tiêu khởi công tháng 12/2027: Bộ Xây dựng đặt mục tiêu khởi công dự án đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam vào tháng 12/2027. Dự án có tổng chiều dài khoảng 1,541 km, điểm đầu tại ga Ngọc Hồi và điểm cuối tại ga Thủ Thiêm, đi qua 15 tỉnh, thành phố. Tuyến được đầu tư mới toàn bộ đường đôi khổ 1,435 mm, tốc độ thiết kế 350 km/giờ, với tổng mức đầu tư sơ bộ khoảng 67.34 tỷ USD.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

LPB - Muốn huy động gần 12,000 tỷ đồng trái phiếu: LPBank đang chuẩn bị hai đợt phát hành trái phiếu riêng lẻ với tổng quy mô gần 12,000 tỷ đồng, trong bối cảnh vợ chồng tỷ phú Phạm Nhật Vượng vừa trở thành cổ đông lớn của ngân hàng. Nguồn vốn huy động dự kiến giúp LPB bổ sung vốn cấp 2 và tăng cường năng lực tài chính cho hoạt động kinh doanh.

VGI - Sắp chi hơn 10,000 tỷ đồng cổ tức tiền mặt: Viettel Global dự kiến chi hơn 10,044 tỷ đồng trả cổ tức năm 2025 bằng tiền mặt với tỷ lệ 33%, tương ứng 3,300 đồng/cp. Với tỷ lệ sở hữu chi phối, Tập đoàn Viettel dự kiến nhận gần như toàn bộ số tiền cổ tức này từ VGI.

EVF - Nhận gói tín dụng 20 triệu USD từ định chế tài chính Pháp: EVF ký hợp đồng tín dụng trị giá 20 triệu USD với Proparco, định chế tài chính phát triển thuộc Tập đoàn AFD của Pháp. Khoản vay nhằm mở rộng nguồn vốn cho tài chính khí hậu và nhóm doanh nghiệp vừa và nhỏ do phụ nữ lãnh đạo hoặc sở hữu.

SNZ - Sắp chi hơn 540 tỷ đồng trả cổ tức năm 2025: Sonadezi sẽ chốt danh sách cổ đông vào ngày 6/10/2026 để trả cổ tức năm 2025 bằng tiền mặt với tỷ lệ 14.4%. Tổng số tiền chi trả dự kiến hơn 540 tỷ đồng, tiếp tục duy trì chính sách cổ tức tiền mặt đều đặn của doanh nghiệp khu công nghiệp.

SMC - Muốn bổ sung ngành nghề kinh doanh bất động sản: SMC dự kiến bổ sung ngành nghề kinh doanh bất động sản nhằm có cơ sở pháp lý để khai thác, quản lý, cho thuê và sử dụng hiệu quả các bất động sản, nhà xưởng, kho bãi hiện có. Động thái này gắn với quá trình tái cấu trúc tài sản và tối ưu nguồn lực của doanh nghiệp sau giai đoạn khó khăn.

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
BSR	27,100	31,150	14.9%	Tăng tỷ trọng
CTG	30,550	40,700	33.2%	Mua
CTD	59,000	82,900	40.5%	Mua
DBD	46,500	66,000	41.9%	Mua
DDV	17,902	35,900	100.5%	Mua
DGW	44,750	47,500	6.1%	Nắm giữ
DPG	27,700	42,300	52.7%	Mua
DPR	38,550	46,500	20.6%	Mua
DRI	14,667	17,200	17.3%	Tăng tỷ trọng
EVF	11,850	14,400	21.5%	Mua
FRT	140,000	151,000	7.9%	Nắm giữ
GMD	75,200	88,900	18.2%	Tăng tỷ trọng
HAH	47,100	58,300	23.8%	Mua
HDG	16,150	30,900	91.3%	Mua
HHV	9,820	11,700	19.1%	Tăng tỷ trọng
HPG	21,850	34,200	56.5%	Mua
IMP	38,100	54,400	42.8%	Mua
KDH	17,000	38,800	128.2%	Mua
MCH	142,000	148,500	4.6%	Nắm giữ
MWG	72,900	115,600	58.6%	Mua

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	20,100	27,500	36.8%	Mua
NLG	24,800	39,400	58.9%	Mua
NT2	20,800	27,700	33.2%	Mua
PHR	60,400	72,800	20.5%	Mua
PNJ	38,200	75,500	97.6%	Mua
PVS	38,700	39,900	3.1%	Nắm giữ
PVT	21,750	26,000	19.5%	Tăng tỷ trọng
POW	12,850	17,500	36.2%	Mua
SAB	44,850	54,900	22.4%	Mua
SSI	21,000	31,200	48.6%	Mua
TLG	49,850	50,000	0.3%	Nắm giữ
TCB	32,400	41,700	28.7%	Mua
TCM	16,800	35,300	110.1%	Mua
TRC	83,100	91,800	10.5%	Tăng tỷ trọng
VCB	59,000	79,700	35.1%	Mua
VPB	27,500	36,500	32.7%	Mua
VCG	15,450	23,300	50.8%	Mua
VHC	51,600	58,000	12.4%	Tăng tỷ trọng
VNM	61,600	66,650	8.2%	Nắm giữ

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479

Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5 - Văn phòng C, Tòa nhà Taisei Square Hanoi - số 289 đường Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, Tp.Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801